



Thực trạng giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh tại các trường tiểu học quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoàng Thị Thùy Minh

Trường Tiểu học Sông Lô, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 06/11/2024

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 26/12/2024

Ngày nhận đăng: 28/12/2024

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Giáo dục;

Bảo vệ môi trường;

Hoạt động trải nghiệm;

Học sinh;

Tiểu học.

TÓM TẮT

Nghiên cứu trình bày kết quả khảo sát thực trạng giáo dục bảo vệ môi trường (BVMT) thông qua hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho học sinh (HS) bằng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn đối với 44 cán bộ quản lý (CBQL) và 196 giáo viên (GV) ở 6 trường tiểu học Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh. Nội dung khảo sát tập trung đánh giá nhận thức của CBQL và GV về mục tiêu giáo dục; mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các thành tố nội dung, loại hình, phương pháp, hình thức, lực lượng, điều kiện và đánh giá kết quả giáo dục. Kết quả cho thấy, CBQL và GV có nhận thức đúng đắn về mục tiêu giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ở mức “rất quan trọng”; việc thực hiện thành tố có mức độ thường xuyên và hiệu quả ở mức khá. Tuy vậy, nhiều tiêu chí khảo sát của mỗi thành tố chỉ thực hiện ở mức “thỉnh thoảng” và hiệu quả ở mức “trung bình”, ĐTB của từng tiêu chí trong mỗi thành tố có mức hiệu quả thấp hơn mức độ thực hiện. Điều đó thể hiện những bất cập, hạn chế trong công tác giáo dục. Trên cơ sở thực trạng, bài báo đề xuất các khuyến nghị đối các chủ thể trong nhà trường tiểu học về giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS.

1. MỞ ĐẦU

Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề bảo vệ môi trường (BVMT) dần trở thành mối quan tâm hàng đầu đối với sự sinh tồn và phát triển của nhân loại. Ở phương diện quốc tế, đã có những phân tích dữ liệu khoa học để báo động về các yếu tố làm giới hạn sự phát triển xã hội loài người, trong đó có vấn nạn môi trường trên thế giới, như một hồi chuông báo động đầu tiên mang tầm vóc quốc tế. Năm 2019, hơn 11.000 nhà khoa học từ 153 quốc gia đã tuyên bố tình trạng khẩn cấp về khí hậu, nhấn mạnh nhu cầu hành động biến đổi khí hậu với thông điệp chính thức được đưa ra: “*vì tài nguyên trên trái đất thì hữu hạn, do đó chỉ có thay đổi hành vi con người thì xã hội loài người mới có thể phát triển dài lâu và bền vững*” (Ripple et al., 2020). Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) tuyên bố rằng thách thức về môi trường là một trong những thách thức quan trọng nhất cần được xem xét như một phần của giáo dục trong tương lai (OECD, 2018). Có thể thấy rằng, tầm quan trọng của việc BVMT trong xã hội ngày nay đã không còn vấn đề riêng của một quốc gia nào mà trở thành vấn đề cấp bách của toàn nhân loại. Các vấn đề về môi trường không còn nằm ngoài giáo dục nữa mà nằm trong chương trình nghị sự về những gì giáo dục nên xem xét.

Tại Việt Nam, Sự ra đời của Luật BVMT (Quốc hội, 2020) cũng như hệ thống Nghị định, Thông tư, Bộ tiêu chuẩn môi trường ra đời đã tạo lập hành lang pháp lý về BVMT và việc thực thi BVMT trở thành điều tất yếu trong bối cảnh hiện nay ở nước ta. Các nhà khoa học đều cho rằng giáo dục BVMT cần được quan tâm thực hiện đúng mức ngay từ bậc học mầm non, tiểu học vì lứa tuổi này dễ dàng hình thành nề nếp thói quen, mang lại hiệu quả cao, tạo cơ sở cho việc hình thành nhân cách (Nguyễn & Hà, 2002; Phan, 2010). Giáo dục tiểu học (GDTH) là bậc học nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam “*hình*

thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của HS” (Quốc hội, 2019). Vì vậy, nhà trường tiểu học cần đáp ứng yêu cầu trong mọi hoạt động giáo dục (HĐGD) của nhà trường để đảm nhiệm vai trò, thực hiện mục tiêu GDTH trong việc đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển toàn diện của HS.

Hoạt động trải nghiệm (HĐTN) là một hoạt động giáo dục (HĐGD) bắt buộc trong chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018, là bộ phận hữu cơ trong quá trình giáo dục tổng thể ở nhà trường (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a; 2018b). HĐTN tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a; 2018b). Giáo dục BVMT cho HS thông qua HĐTN là tổ chức cho HS có những trải nghiệm khi trực tiếp tiếp cận trên môi trường thực tiễn, qua đó giúp HS hình thành được biểu tượng và khái niệm mới đồng thời cũng thành thạo các năng lực thực hiện trong BVMT. Đó chính là sự chuyển hoá phức tạp về kiến thức, kỹ năng, thái độ và niềm tin của người học (Nguyễn et al., 2023) trong quá trình tham gia HĐGD BVMT. Vì vậy, HĐTN là hình thức giáo dục mang lại ý nghĩa nâng cao hiệu quả giáo dục BVMT cho HS tiểu học.

Hiện nay, nhiều trường tiểu học ở Việt Nam nói chung và các trường tiểu học Quận Phú Nhuận, TP.HCM (TP.HCM) nói riêng đã tăng cường giáo dục BVMT cho HS thông qua nhiều hình thức khác nhau. Tuy nhiên, thực tiễn tổ chức HĐGD BVMT cho HS còn nhiều bất cập: thời lượng tổ chức HĐGD BVMT ít; nội dung giáo dục (NDGD) BVMT thường chỉ chú trọng lý thuyết, hạn chế rèn luyện kỹ năng; hình thức và phương pháp tổ chức giáo dục BVMT còn đơn điệu, chưa phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của HS dẫn đến hiệu quả giáo dục không cao.

Với những vấn đề đã trình bày, nghiên cứu tại bài báo tập trung đánh giá thực trạng giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ở 6 trường tiểu học trên địa bàn Quận Phú Nhuận, TP.HCM. Nội dung khảo sát tập trung đánh giá nhận thức của CBQL và GV về mục tiêu giáo dục; mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các thành tố nội dung, loại hình, phương pháp, hình thức, lực lượng, điều kiện và đánh giá kết quả giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, bài báo định hướng kiến nghị đối các chủ thể bên liên quan trong công tác giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số lượng mẫu khảo sát bao gồm 44 CBQL (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; Tổ trưởng/Phó tổ trưởng Tổ chuyên môn; Tổng phụ trách Đội) và 196 GV ở 6 trường tiểu học trên địa bàn Quận Phú Nhuận, TP.HCM bao gồm: Tiểu học Trần Phú; Tiểu học Trưng Vương; Tiểu học Cao Bá Quát; Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh; Tiểu học Đức Trí; Tiểu học Kim Đồng.

Dữ liệu được thu thập thông qua việc sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi do nhóm tác giả tự xây dựng. Nội dung chính của bảng hỏi gồm 2 phần chính: i) phần thu thập thông tin cá nhân người khảo sát và ii) phần thu thập thông tin về thực trạng giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ở trường tiểu học. Trong bảng hỏi, câu hỏi điều tra thiết kế theo thang đo Likert 5 bậc; cụ thể đánh giá về mức độ nhận thức/mức độ thực hiện/hiệu quả thực hiện với quy ước như sau: Rất quan trọng/Rất thường xuyên/Tốt ($4.20 \leq M \leq 5.0$); Quan trọng/Thường xuyên/Khá ($3.40 \leq M < 4.20$); Bình thường/Thỉnh thoảng/Trung bình ($2.60 \leq M < 3.40$); Ít quan trọng/Ít thực hiện/Yếu ($1.80 \leq M < 2.60$); Không quan trọng/Không thực hiện/Kém ($1.0 \leq M < 1.80$). Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha của bộ công cụ đo lường cho thấy Cronbach's Alpha = 0.79 và hệ số tương quan giữa từng item và tổng thang đo đều lớn 0.30, chứng tỏ bộ công cụ có độ tin cậy tốt.

- Mẫu nghiên cứu và địa bàn khảo sát:

Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định tính nhằm xử lý các thông tin thu thập được từ phương pháp phỏng vấn trong quá trình nghiên cứu. Lựa chọn ngẫu nhiên 6 CBQL; 6 GV ở các trường tiểu học được khảo sát để tiến hành đặt câu hỏi phỏng vấn. Quy ước mã hóa danh mục CBQL và GV tham gia phỏng vấn theo 6 trường tiểu học được khảo sát (từ 1CBQL1-6CBQL6; 1GV1-6GV6). Chọn lọc các ý kiến, thống kê theo từng mục với trình tự có ý nghĩa, biên tập lại thành những phát biểu tương đồng trong các nhóm đối tượng, đủ nghĩa để trích dẫn.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Nhận thức về mục tiêu giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường tiểu học quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 1. Nhận thức của CBQL&GV về mục tiêu của giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường tiểu học

STT	Mục tiêu	CBQL		GV		Chung		Sig.
		M	SD	M	SD	M	SD	
1	HS xác định được ý nghĩa, tầm quan trọng của môi trường và sự cần thiết thực hiện hành vi BVMT	3.92	0.95	4.10	0.87	4.05	0.90	0.39
2	HS nhận diện được mức độ nguy hiểm đối với cuộc sống loài người khi môi trường bị đe dọa	3.25	0.52	3.30	0.34	3.28	0.43	0.28
3	HS thực hiện được các hành động phù hợp với lứa tuổi để BVMT; những hành vi, thói quen BVMT	3.90	0.66	4.12	0.72	4.02	0.70	0.36
4	HS thể hiện tình cảm yêu quý thiên nhiên và trách nhiệm BVMT	3.98	0.26	4.02	0.39	4.00	0.36	0.64
5	HS hình thành được thái độ tích cực, chủ động rèn luyện hình thành hành vi, thói quen hành vi BVMT	3.76	0.78	3.65	0.89	3.69	0.85	0.48

***Ghi chú:** $1 \leq M \leq 5$; **M**: Điểm trung bình; **SD**: Độ lệch chuẩn; **TB**: Thứ bậc; **Sig.**: giá trị kiểm định khác biệt điểm trung bình (T-test); **TB**: Thứ bậc

Kết quả phân tích thống kê tại bảng 1 cho thấy, CBQL và GV đánh giá mức độ “quan trọng” của các mục tiêu thể hiện cấu trúc thành phần năng lực và phẩm chất được hình thành ở HS tiểu học từ giáo dục BVMT thông qua HĐTN ở nhà trường (**M = 3.23 - 4.05**). Trong đó, mục tiêu được đánh giá cao nhất thuộc vào thành phần giáo dục nhận thức cho HS là: *HS xác định được ý nghĩa, tầm quan trọng của môi trường và sự cần thiết thực hiện hành vi BVMT phù hợp với lứa tuổi* (**M = 4.05**); khía cạnh phát triển hành vi BVMT và bồi dưỡng thái độ tích cực trước các vấn đề về môi trường và BVMT phù hợp với lứa tuổi HS tiểu học như: *HS thực hiện được các hành động phù hợp với lứa tuổi để BVMT; những hành vi, thói quen BVMT lành mạnh, tích cực* (**M = 4.02**). Các mục tiêu khác là biểu hiện trong thành phần PC&NL cũng được CBQL và GV đánh giá là những mục tiêu cần hình thành cho HS.

Xét theo đối tượng khảo sát: Kết quả kiểm định giá trị ĐTB trong nhận thức về mục tiêu giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS của CBQL, GV ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu cho thấy, có sự tương đồng có ý nghĩa trong đánh giá ($Sig.>0.05$), điều này thể hiện sự thống nhất về ý kiến của đội ngũ CBQL và GV về các nội dung được khảo sát. Tóm lại, kết quả khảo sát cáo cáo, CBQL&GV các trường tiểu học có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và mục tiêu giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS trên các khía cạnh tích cực đối với HS, nhà trường, ngành giáo dục và sự phát triển bền vững của môi trường.

3.2. Thực trạng nội dung giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường tiểu học quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2. Đánh giá của CBQL & GV về thực trạng NDGD BVMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường tiểu học

STT	Nội dung	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Giáo dục những vấn đề cơ bản về MTTN và MTXH	3.88	0.85	3	3.83	1.07	2	0.19**
2	Giáo dục những hiểu biết về cách thức, hành vi ứng xử tích cực trong việc bảo vệ MTXH	3.91	0.78	2	3.77	0.72	3	0.18**
3	Bồi dưỡng lòng yêu quý thiên nhiên, tình cảm trân trọng tự nhiên và có nhu cầu BVMT	3.87	0.78	4	3.74	0.79	4	0.34**
4	Giáo dục ý thức, trách nhiệm trong tuyên truyền, vận động mọi người tham gia BVMT	3.83	0.81	5	3.55	0.85	5	0.10*
5	Giáo dục hành vi sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên	3.99	0.76	1	3.90	0.87	1	0.20**
6	Giáo dục và hình thành lối sống ngăn nắp, vệ sinh; sống hòa nhã, gần gũi với tự nhiên	3.88	0.85	3	3.83	0.83	2	0.35**

***Ghi chú:** $1 \leq M \leq 5$; **M**: Điểm trung bình; **SD**: Độ lệch chuẩn; **r**: Hệ số tương quan; *: $p<0.05$; **: $p<0.01$

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, CBQL và GV đánh giá thực trạng mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của NDGD BVMT thông qua HĐTN cho HS tiểu học trên địa bàn quận Phú Nhuận, TPHCM ở mức độ

“thường xuyên” (M = 3.83-3.99), hiệu quả thực hiện ở mức **“khá” (M = 3.55-3.90)**. ĐTB mức độ hiệu quả thấp hơn so với ĐTB mức độ thực hiện các nội dung thực hiện. NDGD được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và hiệu quả cao hơn đó là: *Giáo dục hành vi sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn tài nguyên; Giáo dục hiểu biết về cách thức, hành vi ứng xử tích cực bảo vệ MTXH*. Những NDGD được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và hiệu quả thấp hơn: *Giáo dục ý thức, trách nhiệm trong việc tuyên truyền mọi người tham gia BVMT; Bồi dưỡng lòng yêu quý thiên nhiên*. Tổng hợp kết quả phỏng vấn đội ngũ GV cho thấy, việc tổ chức các NDGD BVMT thông qua HĐTN cho HS đã được nhà trường quan tâm nhưng còn thiếu sự chủ động (1GV2;3GV6); có những nội dung đang chú trọng việc trang bị kiến thức và mà chưa tăng cường thực hành, rèn luyện để hình thành cho HS các kỹ năng, hành vi tích cực cho HS (5GV10;6GV11).

Mối tương quan về mức độ và hiệu quả thực hiện: Trong từng nội dung khảo sát, mức độ thường xuyên và tính hiệu quả có mối quan hệ tương quan thuận chặt chẽ ($r = 0.10-0.35, p < 0.01$). Kết quả này định hướng cho CBQL các trường tiểu học về việc, nhà trường càng quan tâm thực hiện thường xuyên các NDGD BVMT thông qua HĐTN cho HS thì càng đạt được hiệu quả cao trong thực hiện NDGD; đồng thời, cần tăng cường giáo dục BVMT cho HS thông qua HĐTN trong sự thống nhất giữa nhận thức, thái độ và hình hành hành vi cho HS; chú trọng trang bị cả kiến thức, bồi dưỡng tình cảm, niềm tin và thực hành rèn luyện kỹ năng hành vi BVMT cho HS.

3.3. Thực trạng loại hình tổ chức giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng loại hình tổ chức giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường tiểu học

STT	Loại hình HĐTN	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Loại hình HĐGD theo chủ đề	3.95	0.78	2	3.61	0.93	3	0.15**
2	Loại hình sinh hoạt lớp	3.97	0.84	1	3.77	0.79	1	0.29*
3	Loại hình sinh hoạt dưới cờ	3.90	0.84	3	3.72	0.86	2	0.30**
4	Loại hình câu lạc bộ HS	3.10	0.79	4	3.00	0.78	4	0.48**

Kết quả khảo sát tại bảng 3 cho thấy, CBQL và GV trên địa bàn nghiên cứu đánh giá thực trạng loại hình tổ chức giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường tiểu học thực hiện ở mức độ **“thường xuyên” (M = 3.90-3.97)** và hiệu quả mức **“khá” (M = 3.61-3.77)**. Kết quả cũng cho thấy có sự tương đồng nhất định về thứ bậc mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các loại hình. Xét về tính hiệu quả, ĐTB hiệu quả thực hiện thấp hơn so với ĐTB mức độ thực hiện. Trong đó, loại hình được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và hiệu quả cao hơn đó là: *Loại hình sinh hoạt lớp và HĐGD theo chủ đề*. Đặc biệt, loại hình **“Câu lạc bộ HS”** trong giáo dục BVMT thông qua HĐTN chỉ được thực hiện ở mức độ **“thỉnh thoảng” (M=3.10)** và hiệu quả ở mức **“trung bình” (M=3.00)**.

Mối tương quan về mức độ và hiệu quả thực hiện: Kết quả chỉ rõ mối tương quan thuận chặt chẽ giữa tất cả các loại hình tổ chức HĐTN giáo dục BVMT cho HS ở các trường tiểu học, hệ số tương quan lớn ($r = 0,15 - 0,48, p > 0.01$). Kết quả này chứng tỏ rằng, các trường tiểu học trên địa bàn Quận Phú Nhuận, TPHCM càng quan tâm thực hiện thường xuyên các loại hình HĐTN trong giáo dục BVMT cho HS thì sẽ mang lại hiệu quả tích cực góp phần đạt được các mục tiêu giáo dục BVMT thông qua HĐTN.

3.4. Thực trạng về phương pháp giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tổng hợp kết quả phân tích thống kê tại bảng 4 cho thấy, các PPGD BVMT thông qua HĐTN cho HS được CBQL và GV các trường tiểu học đánh giá ở mức độ thực hiện **“thường xuyên” (M=3.56-3.93)** và kết quả thực hiện đạt mức **“khá” (M=3.51-4.01)**. Kết quả cũng báo cáo có sự tương đồng nhất định về thứ bậc mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện các PPGD, tuy vậy ĐTB mức độ hiệu quả thấp hơn so với ĐTB mức độ thực hiện ở các PPGD. Trong đó, các PPGD thực hiện với mức độ thường xuyên và hiệu quả với thứ bậc cao hơn như: Phương pháp làm việc nhóm; trực quan; thuyết trình; trò chơi. CBQL và GV đánh giá các phương pháp thực hiện với mức độ thường xuyên và hiệu quả thấp nhất là: Phương pháp đóng vai; tình huống. Đặc biệt, phương pháp dự án được đánh giá là **“thỉnh thoảng” (M=3.07)** mới thực hiện và hiệu quả đạt mức **“trung bình” (M=3.05)**. Qua phỏng vấn, chúng tôi nhận được ý kiến liên quan: Đáp ứng yêu cầu đổi mới CTGDPT2018 về tổ chức dạy học, HĐGD trong nhà trường theo định hướng phát triển PC&NL HS qua các môn học, HĐGD; theo đó đội ngũ GV quan tâm sử dụng các PPGD với ý nghĩa phát huy sự tham gia tích cực của HS vào HĐTN (1CBQL1; 2GV4;3GV5).

Bảng 4. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng PPGD BVMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường tiểu học

STT	Phương pháp	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Phương pháp thuyết trình	3.80	0.81	3	3.70	0.76	3	0.11*
2	Phương pháp dự án	3.07	0.65	8	3.05	0.72	8	0.16*
3	Phương pháp làm việc nhóm	3.92	0.98	1	4.01	0.96	1	0.20**
4	Phương pháp tình huống	3.63	0.94	6	3.52	1.03	7	0.14*
5	Phương pháp trò chơi	3.70	0.83	5	3.64	0.78	4	0.07*
6	Phương pháp đóng vai	3.56	0.89	7	3.54	0.75	6	0.16**
7	Phương pháp vấn đáp	3.72	1.00	4	3.61	0.86	5	0.39**
8	Phương pháp trực quan	3.85	0.95	2	3.82	0.65	2	0.29*
9	Phương pháp thực hành	3.63	0.90	6	3.50	0.76	4	0.25*

Tương quan về mức độ và hiệu quả thực hiện: Kết quả cho thấy, trong mỗi PPGD BVMT thông qua HĐTN cho HS, mức độ thường xuyên và tính hiệu quả có mối quan hệ tương quan thuận ($r = 0,07-0,39$, $p < 0,01; p < 0,05$). Kết quả này gợi ý cho các trường tiểu học trong việc, GV càng quan tâm thực hiện các PPGD BVMT thông qua HĐTN cho HS đa dạng thì hiệu quả thực hiện mỗi PPGD càng tích cực, khai thác ưu điểm của mỗi phương pháp trong giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS.

3.5. Thực trạng về hình thức tổ chức giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 5. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng HTTCGD BVMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường tiểu học

STT	Phương pháp	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Hình thức hội thi, cuộc thi	3.66	0.81	1	3.60	0.76	1	0.30*
2	Hình thức sân khấu tương tác	3.07	0.65	3	3.05	0.72	3	0.22*
3	Hình thức tổ chức diễn đàn	3.10	0.98	4	3.02	0.96	5	0.18**
4	Hình thức tham quan, dã ngoại	3.53	0.94	2	3.42	1.03	2	0.25*
5	Hình thức hoạt động tình nguyện	3.02	0.83	5	3.04	0.78	4	0.19*

Tổng hợp phân tích thống kê kết quả khảo sát tại bảng 5 cho thấy, CBQL và GV ở các trường tiểu học quận Phú Nhuận, TPHCM đánh giá có 2 hình thức tổ chức HĐTN giáo dục BVMT cho HS được mức độ thực hiện **“thường xuyên”** thực hiện ($M = 3.36-3.53$) và hiệu quả mức **“khá”** ($M = 3.42-3.60$), bao gồm: *Hình thức hội thi, cuộc thi; Hình thức tham quan, dã ngoại*. Các hình thức khác như: *Hình thức sân khấu tương tác; tổ chức diễn đàn; hoạt động tình nguyện* nhà trường thực hiện ở mức độ **“thỉnh thoảng”** và hiệu quả ở mức **“trung bình”**. Ý kiến của phỏng vấn từ CBQL, GV cho thấy, nhà trường đã tổ chức các hình thức Cuộc thi như vẽ tranh tuyên truyền cổ động, thi biểu diễn thời trang, thi làm đồ tái chế có chủ đề về BVMT,... Các hoạt động tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa theo các chủ đề giáo dục BVMT. Các hình thức khác, trong điều kiện về thời gian, chương trình, thời gian, kinh phí... chưa cho phép nên nhà trường chưa chú trọng thực hiện (4CBQL7, 5GV10, 2CBQL3).

Kết quả kiểm nghiệm mối quan hệ tương quan cho thấy, có mối quan hệ tương quan thuận về mức độ thường xuyên và tính hiệu quả trong mỗi hình thức tổ chức HĐTN giáo dục BVMT cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu ($r = 0.19-0.30$, $p < 0,01$, $p < 0,05$). Kết quả này cũng gợi ý cho các trường tiểu học về việc cần quan tâm thực hiện thường xuyên các hình thức tổ chức HĐTN cho HS phong phú và đa dạng để nâng cao hiệu quả thực hiện hình thức.

3.6. Thực trạng về lực lượng tham gia tổ chức giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Tổng hợp phân tích thống kê kết quả khảo sát tại bảng 6 cho thấy, CBQL và GV đánh giá thực trạng mức độ tham gia và hiệu quả tham gia của các LLGD trong giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn ở mức **“thường xuyên”** ($M = 3.88-4.00$) và hiệu quả ở mức **“khá”** ($M = 3.80-4.00$). Có sự tương đồng nhất định về thứ bậc thực hiện và hiệu quả thực hiện. Trong đó, tham gia thường xuyên và hiệu quả cao nhất là LLGD trong nhà trường, bao gồm: *GV chủ nhiệm, GV môn học, Tổng phụ trách Đội...*; *Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; Tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn và nhân viên phụ trách cơ sở vật chất*. Các lực lượng khác như: *Chính quyền, ủy ban nhân dân, cơ quan chức năng địa phương và cha mẹ*

HS, các tổ chức, cá nhân trong xã hội là các lực lượng tham gia và hiệu quả thấp hơn so với các lực lượng khác. Ý kiến của CBQL, GV cho biết, các hoạt động trong chương giáo dục năm học, nhà trường vẫn chủ động chính về mọi mặt (4GV7, 6GV12,5CBQL10).

Bảng 6. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng lực lượng tham gia tổ chức giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường tiểu học

STT	Lực lượng	Mức độ tham gia			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Nhà quản lý trường tiểu học (Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; Tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn)	3.98	0.53	2	4.00	0.70	1	0.29**
2	Nhà giáo dục (GV chủ nhiệm lớp, GV môn học, Tổng phụ trách Đội,...)	4.00	0.80	1	3.99	0.49	2	0.17**
3	Lực lượng hỗ trợ (cán bộ, nhân viên cơ sở vật chất)	3.95	0.74	3	3.90	0.63	3	0.23**
4	Chính quyền, ủy ban nhân dân; cơ quan chức năng địa phương	3.88	0.75	6	3.85	0.78	5	0.34**
5	Cơ quan quản lý giáo dục (Sở/Phòng GD&ĐT)	3.90	0.67	4	3.88	0.62	4	0.35**
6	Cha mẹ HS; tổ chức và cá nhân trong xã hội	3.85	0.62	5	3.80	0.77	6	0.22**

Tương quan giữa mức độ thực hiện và hiệu quả: Kết quả cho thấy tương quan thuận về mức độ tham gia và hiệu quả tham gia của các lực lượng trong tổ chức giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ($r = 0.17 - 0.35$ $p < 0.01$). Nghĩa rằng, sự tham gia của các lực lượng càng thường xuyên cao thì càng tạo ra hiệu quả tích cực trong tổ chức giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS. Theo đó, các trường tiểu học trên địa bàn cần phát huy sự tham gia thường xuyên và hiệu quả của các lực lượng giáo dục, đảm bảo sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội với tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi HS.

3.7. Thực trạng điều kiện tổ chức giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học

Bảng 7. Đánh giá của CBQL và GV về thực trạng điều kiện tổ chức giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường tiểu học

STT	Điều kiện	Mức độ đầu tư			Mức độ đáp ứng			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS	3.86	0.60	1	3.78	0.78	2	0.27**
2	Nguồn lực tài chính cho giáo dục BVMT cho HS thông qua HĐTN	3.40	0.65	4	3.35	0.57	4	0.20**
3	Nguồn lực thời gian cho giáo dục BVMT cho HS thông qua HĐTN	3.80	0.77	2	3.82	0.74	1	0.10*
4	Điều kiện bên ngoài nhà trường (cơ sở trải nghiệm, thiết bị giáo dục phục vụ chủ đề giáo dục BVMT)	3.64	0.64	3	3.70	1.00	3	0.18*

Kết quả khảo sát ở bảng 7 cho thấy, các điều kiện tổ chức giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS tiểu học được CBQL và GV đánh giá nhà trường “thường xuyên” đầu tư ($M = 3.40 - 4.86$) và đáp ứng ở mức độ “khá” ($M = 3.35 - 3.82$). Trong đó, các điều kiện về CSVC, TBGD, *phương tiện của nhà trường; Nguồn lực thời gian phân bổ cho giáo dục BVMT thông qua HĐTN* được đánh giá mức độ đầu tư thường xuyên và đáp ứng hiệu quả cao hơn. *Nguồn lực tài chính cho giáo dục BVMT cho HS thông qua HĐTN* và *Điều kiện bên ngoài nhà trường* có mức độ đầu tư thường xuyên và hiệu quả đáp ứng thấp hơn.

Mối tương quan về mức độ đầu tư và mức độ đáp ứng của các điều kiện tổ chức giáo dục BVMT cho HS thông qua HĐTN ở các trường tiểu học thể hiện mức tương quan thuận ($r = 0.10 - 0.28$, $p < 0.01$). Điều này định hướng cho các trường tiểu học càng quan tâm đầu tư phát triển điều kiện cho giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS thì càng đáp ứng hiệu quả cho giáo dục BVMT cho HS thông qua HĐTN. Như vậy, thực trạng cho thấy, các trường tiểu học quận Phú Nhuận, TP HCM đã đầu tư, huy động các điều kiện, nguồn lực và đáp ứng yêu cầu ở mức độ nhất định. Tuy vậy, trên thực tế vẫn thể hiện những hạn chế, thiếu hụt về các nguồn lực cần thiết, điều đó ảnh hưởng nhất định tới hiệu quả giáo dục BVMT cho HS thông qua HĐTN.

3.8. Thực trạng đánh giá kết quả giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học

Kết quả khảo sát ở bảng 8 cho thấy, nhìn chung, công tác đánh giá kết quả giáo dục BVMT cho HS thông

qua HĐTN ở các trường tiểu học được thực hiện ở mức thường xuyên và khá hiệu quả (**M thực hiện = 3.70-3.90; M hiệu quả = 3.75-3.84**). Trong đó, các khía cạnh quan trọng như: *Đánh giá thường xuyên về tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm, tính tích cực của HS; Đánh giá các biểu hiện về nhận thức, thái độ, hành vi BVMT* có mức độ thực hiện và hiệu quả cao hơn so với các khía cạnh khác. Trong khi đó, việc sử dụng *Phương pháp đánh giá chú trọng vận dụng kiến thức trong thực tiễn* thực hiện ở mức độ và hiệu quả thấp hơn. Đặc biệt, việc *Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng* báo cáo thực hiện ở mức độ **“thỉnh thoảng” (M=3.05)** và hiệu quả ở mức **“trung bình” (3.08)**.

Bảng 8. Thực trạng đánh giá kết quả giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ở các trường tiểu học

STT	Đánh giá	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
		M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Thu thập thông tin về mức độ đáp ứng yêu cầu, MTGD BVMT thông qua HĐTN cho HS	3.82	0.60	3	3.80	0.67	3	0.33*
3	Đánh giá các biểu hiện về nhận thức, thái độ, hành vi BVMT mà HS đạt được sau tham gia HĐTN	3.85	0.57	2	3.84	0.80	1	0.22**
4	Đánh giá thái độ, tính tích cực tham gia HĐTN giáo dục BVMT của HS	3.90	0.71	1	3.82	0.74	2	0.35*
5	Phương pháp đánh giá chú trọng việc vận dụng kiến thức trong thực tiễn	3.70	0.80	4	3.75	0.79	5	0.23**
6	Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của cha mẹ HS	3.05	0.66	5	3.08	0.74	4	0.10**

Tương quan giữa mức độ thực hiện và hiệu quả: Kết quả kiểm nghiệm tương quan báo cáo mối quan hệ tương quan thuận ($r = 0.10-0.35$; $p < 0.01$) giữa các nội dung đánh giá kết quả giáo dục BVMT cho HS thông qua HĐTN ở các trường tiểu học. Kết quả này chứng tỏ rằng, các trường tiểu học Quận Phú Nhuận, TPHCM càng quan tâm công tác đánh giá thì hiệu quả đánh giá đối với giáo dục BVMT cho HS thông qua HĐTN ở trường tiểu học càng cao.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực trạng giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS các trường tiểu học trên địa bàn Quận Phú Nhuận, TPHCM cho thấy, CBQL và GV có nhận thức đúng đắn về mục tiêu giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS ở mức **“rất quan trọng”**; việc thực hiện thành tố có mức độ **thường xuyên** và hiệu quả ở mức **khá**. Tuy vậy, nhiều tiêu chí khảo sát của mỗi thành tố chỉ thực hiện ở mức **“thỉnh thoảng”** và hiệu quả mức **“trung bình”**, đồng thời xét về tính hiệu quả, ĐTB của từng tiêu chí trong mỗi thành tố có mức hiệu quả thấp hơn mức thực hiện. Điều đó thể hiện những bất cập, hạn chế trong công tác giáo dục giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS các trường tiểu học trên địa bàn. Trên cơ sở thực trạng, chúng tôi khuyến nghị đối với các chủ thể liên quan: (1) *Đối với nhà quản lý trường tiểu học:* xây dựng và thực hiện có chương trình, kế hoạch hoạt động, trong đó xác định mục tiêu rõ ràng; tổ chức và chỉ đạo, động viên và khuyến khích đội ngũ giáo viên lựa chọn nội dung giáo dục; sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức HĐTN phù hợp; phối hợp các lực lượng giáo dục và đánh giá kết quả thực hiện giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS với tiêu chí cụ thể, bám sát mục tiêu, nội dung giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS để điều chỉnh phù hợp; (2) *Đối với đội ngũ giáo viên trường tiểu học:* thực hiện giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS mang tính toàn diện, thông nhất tất cả các mặt: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức HĐTN, đánh giá kết quả tham gia HĐTN của HS; Tích cực tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức giáo dục BVMT thông qua HĐTN cho HS.

Nghiên cứu có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng. Về mặt lý luận, nghiên cứu góp phần hoàn thiện và làm phong phú thêm cơ sở lý thuyết về giáo dục bảo vệ môi trường thông qua hoạt động trải nghiệm. Kết quả nghiên cứu cung cấp tài liệu tham khảo quan trọng cho các nhà nghiên cứu, nhà quản lý giáo dục và giáo viên trong việc xây dựng, tổ chức và phát triển các chương trình giáo dục môi trường hiệu quả. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu phản ánh cụ thể thực trạng triển khai hoạt động trải nghiệm trong giáo dục bảo vệ môi trường tại các trường tiểu học trên địa bàn quận Phú Nhuận. Từ đó, nghiên cứu làm rõ những điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại này. Trên cơ sở đó, các khuyến nghị cụ thể được đề xuất nhằm hỗ trợ các bên liên quan cải thiện và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục bảo vệ môi trường trong nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông).

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
- Nguyễn, T. N. B., Phạm, T. T. H., Mai, T. T. T., Nguyễn, T. V., & Nguyễn, T. D. P. (2023). *Giáo trình hoạt động trải nghiệm*. Nhà xuất bản Đại học Huế.
- Nguyễn, V. H., & Hà, T. Đ. (2002). *Giáo dục học đại cương (Phần 3: Lý luận giáo dục)*. Nhà xuất bản Giáo dục.
- OECD. (2018). *The future of education and skills: Education 2030 position paper*.
- Phan, T. L. (Chủ biên). (2010). *Lý luận giáo dục*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- Quốc hội. (2019). *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14*.
- Quốc hội. (2020). *Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14*.
- Ripple, W. J., Wolf, C., Newsome, T. M., Barnard, P., Moomaw, W. R., Maas, B., & Law, B. E. (2020). The climate emergency, forests, and transformative change. *BioScience*, 70(6), 446–447. <https://doi.org/10.1093/biosci/biaa032>

The current state of environmental protection education through experiential activities for students at primary schools in Phu Nhuan district, Ho Chi Minh City

Hoang Thi Thuy Minh

Song Lo Primary School, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 06 November 2024

Received in revised form: 26 December 2024

Accepted: 28 December 2024

Published: 20 December 2025

Keywords:

Education;

Environmental protection;

Experiential activities;

Students;

Primary school.

Corresponding author:

Hoang Thi Thuy Minh

E-mail address:

thuyminhht@gmail.com

ABSTRACT

The study presents the results of a survey on the current state of environmental protection education (EPE) through experiential activities (EP) for students using a questionnaire survey and interviews with 44 officials, managers, and 196 teachers at six primary schools in Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City. The survey focused on assessing managers' and teachers' awareness of educational goals and the level of implementation and effectiveness of content elements, types, methods, forms, forces, conditions, and evaluation of educational results. The results showed that managers and teachers have a correct awareness of the goal of environmental education through outdoor activities for students at the level of "very important"; the implementation of the elements is regular and effective at a fair level. However, many survey criteria of each element are only implemented at the level of "occasionally", and the effectiveness is at the level of "average". At the same time, in terms of effectiveness, the average of each criterion in each element has a lower level of effectiveness than the implementation level. That shows the shortcomings and limitations of educational work. Based on the current situation, the article recommends environmental protection education through experiential activities for students in primary school subjects.
